

Bản án số: 09 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày 17/3/2020.

V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán sơ cấp - chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hằng.
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Thành Đô và ông Dương Minh Thiết.
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17/3/2020 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Đặng Đình Q, sinh năm 1972 – (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Lan H, sinh năm 1972 – (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Tại đơn khởi kiện** tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 30/10/2019 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn Anh Đặng Đình Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Lan H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đi đăng ký kết hôn và đến tận giờ vẫn không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh cho đến năm 2011 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với chị H là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 4 năm 2011 cả anh và chị H đều xét không thể cùng chung sống nên chị H đã bỏ về mẹ đẻ ở cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Lan H.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Đặng Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1993 và Đặng Thị Cẩm Nhung, sinh năm 1995. Hiện tại cả 2 con đều đã trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung và đã tự thỏa thuận thống nhất nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay anh Đặng Đình Q vắng mặt.

- **Tại bản tự khai ghi ngày 02/01/2020 và lời khai tiếp theo, Bị đơn chị Nguyễn Lan H trình bày:** Chị kết hôn với anh Đặng Đình Q năm 1991, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận nhưng vì khi cưới phía anh Q còn thiếu mấy ngày nữa mới đủ tuổi kết hôn nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn và cho đến nay thì vợ chồng chị cũng không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sau khi cưới chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm đánh cãi chửi nhau. Tháng 02/2013 do mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, phía anh Q xin ly hôn chị đồng ý vì vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên chị nhất trí đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng cho anh chị.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đặng Thị Tuyết N, sinh năm 1993 và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 1995. Hiện tại cả 2 con gái đều đã trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình có nhà ở riêng, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Lan H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- **Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và HĐXX:** Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Xác định đúng mối quan hệ tranh chấp; Việc giao gửi văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thủ tục, thời gian quy định. HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- **Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt;

- **Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 9; điều 14; Điều 51 và Điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đặng Đình Q và chị Nguyễn Lan H. Về án phí: Anh Q phải chịu tiền án phí DSST.

- **Những yêu cầu, kiến nghị khác:** Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đặng Đình Q và chị Nguyễn Lan H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, cả anh Q và chị H đều thừa nhận có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn và hiện tại không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp, vợ chồng thường bất đồng về quan điểm nên không có sự thống nhất đồng thuận trong kinh tế và không có sự quan tâm với nhau. Phía anh Q xét thấy không còn tình cảm với chị H và làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H, quan điểm của chị H xét thấy không còn tình cảm với anh Q và đồng ý ly hôn với anh Q nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Quang Thịnh thì hiện tại trong những hồ sơ, sổ sách lưu giữ về việc cấp cấp chứng nhận đăng ký kết hôn và sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân còn lưu trữ tại địa phương thì không có tên vợ chồng anh Đặng Đình Q và chị Nguyễn Lan H. Do quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H được các bên xác lập vào năm 1991, trước ngày luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực xong căn cứ vào Điều 131 điều khoản chuyển tiếp, HĐXX áp dụng luật HNGĐ năm 2014 để giải quyết. Vì anh Q, chị H đến thời điểm hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên cần xử không công nhận vợ chồng giữa anh Q và chị H là phù hợp với Điều 9; Điều 14; Điều 51 và Điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị H có hai con chung là Đặng Thị Tuyết N, sinh năm 1993 và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 1995. Hiện tại cả 2 con đều đã trưởng

thành và đều đã xây dựng gia đình nên anh Q và chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Anh Q, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Đặng Đình Q vắng mặt, tuy nhiên anh Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi của anh Q đã được pháp luật bảo vệ, phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 9; điều 14; Điều 51 và Điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đặng Đình Q và chị Nguyễn Lan H.

2. Về án phí: Anh Đặng Đình Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang theo biên lai thu số AA/2019/0002101 ngày 02/01/2020. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng

